

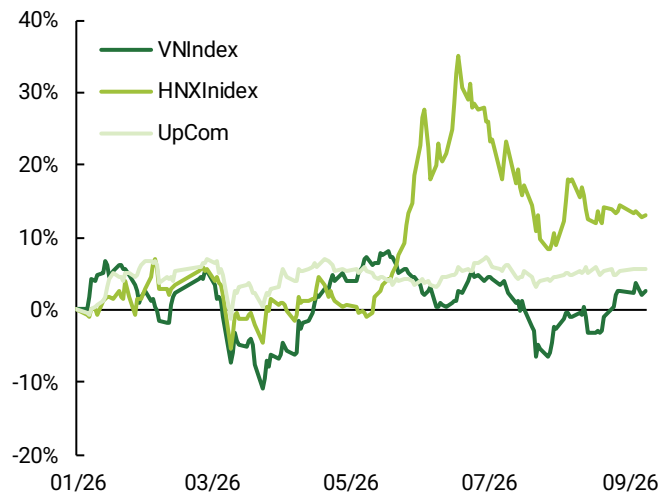
VN-Index **1830.44 (0.48%)**
603 Tr. cổ phiếu 14287.8 Tỷ VND (-17.23%)

HNX-Index **281.11 (0.18%)**
47 Tr. cổ phiếu 638.7 Tỷ VND (-32.38%)

UPCOM-Index **127.65 (0.01%)**
27 Tr. cổ phiếu 588.3 Tỷ VND (30.35%)

VN30F1M **1961.00 (-0.15%)**
195,446 HD OI: 29,360 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1830.4, tăng +8.8 điểm (+0.48%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường cải thiện về phía mua. Đà tăng cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- Điểm nhấn trong phiên:** Lực cầu trở lại về cuối phiên giúp sắc xanh trở lại với thị trường, mặt bằng giá cổ phiếu cũng cải thiện tương đối. Dù vậy, thanh khoản vẫn ở mức thấp cho thấy chiều mua lên còn thận trọng.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: DXS (+0.9%), VIC (+1.9%), CRE (+2.7%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: PVP (+6.2%), PVT (+6.8%), APH (+6.9%) | Hóa chất: DPM (+2.5), DCM (+3.0%), APH (+6.9%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: TTA (+0.9%), GAS (+1.9%) | Tài nguyên Cơ bản: SMC (+2.9%), HHP (+3.0%). Diễn biến yếu trong phiên: Công nghệ Thông tin: FPT (-0.3%) | Bảo hiểm: BVH (-1.7%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, GAS, BSR, HPG, VPL - Chiều giảm | VHM, LPB, VRE, CRV, STB.
- Khối ngoại Bán ròng gần 400 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VCB, VPB, DXG, trong khi mua ròng FPT, VIB, HCM.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** kết phiên với nền xanh thân nhỏ và vẫn nằm thấp hơn 1/2 nến giảm phiên trước, cho thấy lực cung vẫn còn chi phối trên vùng cao. Thanh khoản cũng sụt giảm về mức thấp hàm ý dòng tiền trở lại thận trọng. Về mặt kỹ thuật, chỉ số cần vượt trên ngưỡng 1845 điểm để xác nhận động lực phục hồi. Nếu các phiên tới VN-Index không sớm lấy lại ngưỡng này, xác suất đi vào nhịp điều chỉnh sẽ gia tăng, với khả năng kiểm định lại vùng hỗ trợ gần quanh 1780 – 1800 điểm.
- Đối với HNX-Index**, chỉ số vẫn giữ vận động trong vùng tích lũy 280 – 285 điểm. Tuy nhiên, chỉ báo RSI đã hạ nhiệt về dưới ngưỡng trung bình cho thấy lực cầu suy yếu. Hỗ trợ gần hiện quanh 270 – 275, trong khi kháng cự là ngưỡng 295 điểm.
- Chiến lược:** Nhà đầu tư nên tập trung quản trị danh mục theo tín hiệu của từng cổ phiếu thay vì hành động theo diễn biến chỉ số. Nếu độ rộng tiếp tục thu hẹp và xuất hiện các mã phá vỡ những vùng hỗ trợ quan trọng, cần cân nhắc hạ tỷ trọng để kiểm soát rủi ro. Ngược lại, với các cổ phiếu vẫn giữ được vùng hỗ trợ gần, có thể tiếp tục nắm giữ. Ở chiều mua mới, nên thận trọng và tránh mua đuổi tại các nhịp tăng mạnh; chỉ cân nhắc thăm dò khi tín hiệu cân bằng thật sự rõ ràng.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua PHR (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với				Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với			
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng					
Theo chỉ số																		
VN-Index	1,830.4	🡞	0.5%	-0.1%	3.5%	14,287.8	🡵	-17.2%	-17.9%	-21.5%	603.2	🡵	-13.2%	-6.5%	-8.9%			
HNX-Index	281.1	🡞	0.2%	-1.3%	-4.2%	638.7	🡵	-32.4%	-45.0%	-16.5%	46.6	🡵	-12.9%	-35.3%	0.3%			
UPCOM-Index	127.7	🡞	0.0%	0.1%	0.6%	588.3	🡶	30.3%	48.9%	15.9%	27.1	🡶	26.7%	-14.2%	-32.3%			
VN30	1,968.5	🡞	0.3%	-0.7%	3.0%	7,834.5	🡵	-26.5%	-30.2%	-26.0%	202.9	🡵	-31.2%	-35.4%	-32.6%			
VNMID	1,921.4	🡵	-0.2%	-2.7%	0.2%	4,862.5	🡵	-12.0%	-10.1%	-13.5%	248.4	🡵	-11.4%	-11.4%	-10.7%			
VNSML	1,244.6	🡞	0.0%	-1.5%	-0.6%	935.2	🡶	37.7%	81.0%	21.2%	92.9	🡶	61.7%	136.1%	59.3%			
Theo ngành (VNIndex)																		
Ngân hàng	629.6	🡞	0.0%	-2.35%	0.4%	4,038.7	🡵	-18.0%	3.5%	-4.4%	186.4	🡵	-12.1%	8.0%	-2.9%			
Bất động sản	1,063.3	🡞	0.8%	3.8%	11.1%	3,253.0	🡵	-18.8%	6.8%	13.5%	92.5	🡵	-13.2%	13.9%	7.6%			
Dịch vụ tài chính	284.2	🡞	1.0%	-2.5%	0.3%	1,832.6	🡵	-22.5%	19.3%	-9.9%	104.4	🡵	-19.3%	23.5%	-4.7%			
Công nghiệp	224.4	🡵	-0.3%	-3.8%	-1.8%	716.4	🡵	-14.9%	10.1%	-19.8%	29.9	🡵	-12.6%	16.8%	-9.8%			
Tài nguyên cơ bản	482.5	🡶	1.2%	-1.2%	-0.5%	423.2	🡵	-29.7%	-2.7%	-14.6%	25.1	🡵	-21.7%	4.7%	-6.8%			
Xây dựng - Vật Liệu	154.6	🡵	-0.5%	-2.5%	-2.0%	258.1	🡵	-33.5%	-5.7%	-35.3%	14.9	🡵	-37.4%	-11.0%	-37.4%			
Thực phẩm	497.2	🡞	0.2%	-1.3%	1.9%	1,088.3	🡶	13.8%	32.3%	13.5%	34.2	🡶	29.0%	53.6%	44.7%			
Bán Lẻ	1,381.1	🡞	0.5%	-4.5%	-0.9%	604.1	🡵	-12.4%	9.1%	15.7%	8.8	🡵	-17.9%	4.8%	16.0%			
Công nghệ	389.2	🡵	-0.3%	-1.5%	1.6%	445.7	🡵	-36.6%	-7.6%	-5.2%	6.8	🡵	-52.6%	-12.6%	-21.1%			
Hóa chất	168.3	🡞	0.4%	0.3%	5.9%	431.7	🡶	15.7%	12.0%	41.0%	15.7	🡶	23.6%	15.2%	41.1%			
Tiện ích	760.0	🡞	0.9%	-0.5%	5.6%	189.7	🡵	-13.1%	-7.7%	-40.3%	8.4	🡵	-10.5%	-7.6%	-37.9%			
Dầu khí	108.0	🡶	2.3%	0.5%	3.1%	438.3	🡵	-6.8%	22.01%	-9.2%	16.9	🡵	-7.7%	25.8%	-10.2%			
Dược phẩm	387.8	🡵	-0.3%	-1.8%	-1.4%	50.0	🡶	178.9%	95.2%	18.3%	6.9	🡶	842.1%	221.3%	266.2%			
Bảo hiểm	100.1	🡵	-1.4%	-1.3%	-4.4%	20.5	🡵	-26.2%	-10.8%	-29.0%	0.4	🡵	-28.2%	-11.6%	-33.5%			

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,830.4	0.48%	2.6%	13.9x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,622	0.19%	28.8%	15.3x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,686	1.01%	-22.7%	14.7x	1.8x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,671	0.08%	3.0%	15.2x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,106	0.37%	0.9%	9.1x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,941	0.20%	-0.7%	16.9x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	25,317	-0.38%	-1.2%	12.4x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	65,269	-1.70%	29.7%	21.6x	2.9x
S&P 500	Mỹ	7,719	-	12.8%	26.5x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	53,414	-	11.1%	23.3x	5.9x
FTSE 100	Anh	10,825	0.03%	9.0%	15.0x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,407	0.05%	10.6%	17.4x	2.5x
DXV		99.0	-0.21%	0.7%		
USDVND		25,993	-0.196%	-1.2%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

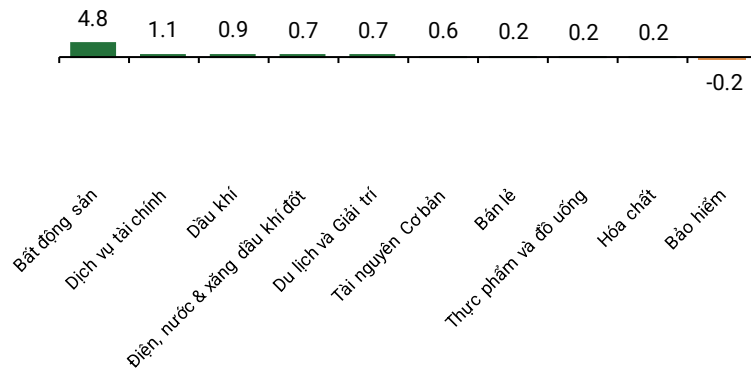
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	1.44%	17.8%	61.7%	49.0%
Dầu WTI	▲	2.49%	19.9%	63.3%	50.6%
Khí gas	▼	-0.2%	11.6%	-19.4%	-3.9%
Than cốc (*)	▬	0.0%	20.7%	41.7%	41.7%
Thép HRC (*)	▬	0.1%	3.6%	2.7%	-1.6%
PVC (*)	▬	0.3%	9.5%	9.2%	3.8%
Phân Urea	▬	0.0%	9.3%	17.9%	7.2%
Cao su thiên nhiên	▲	2.9%	13.5%	38.3%	39.9%
Bông Cotton	▲	1.2%	0.2%	29.7%	29.1%
Đường	▬	0.4%	10.3%	20.9%	16.1%
World Container Index	▬	0.0%	3.9%	101.8%	112.2%
Baltic Dirty tanker Index	▲	2.2%	9.0%	117.4%	167.8%
Vàng	▼	-0.17%	1.3%	1.8%	20.9%
Bạc	▼	-0.30%	3.8%	-8.0%	59.5%

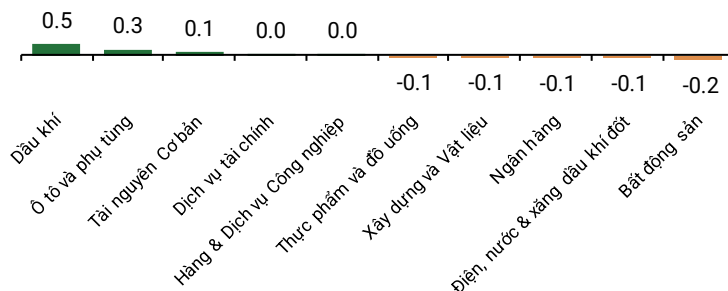
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

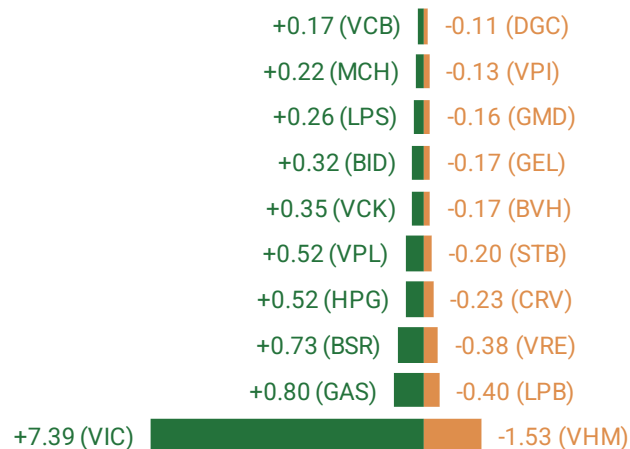
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



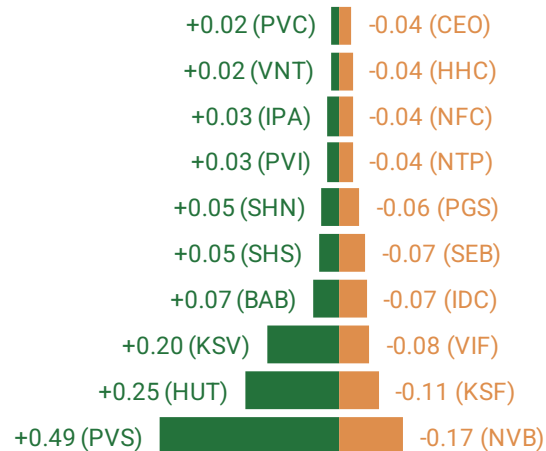
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

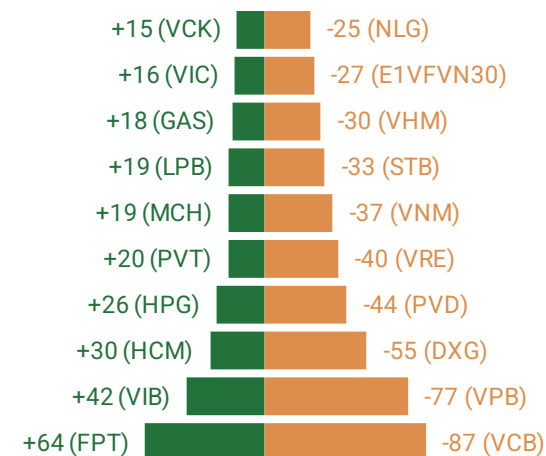


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

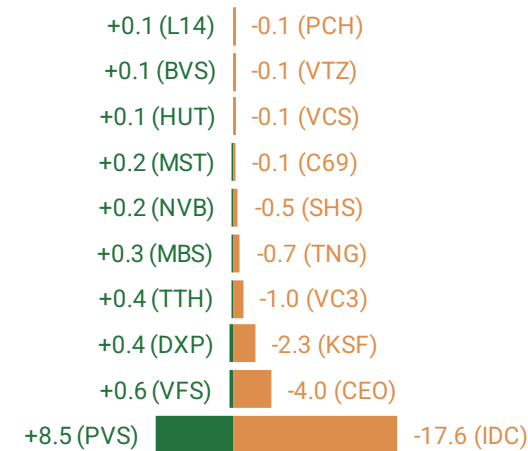


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

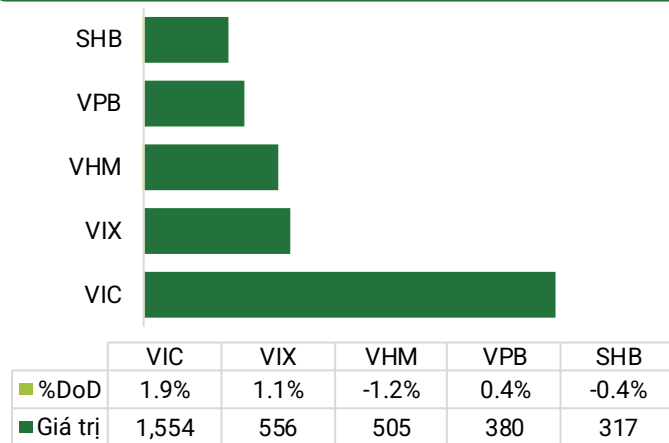
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



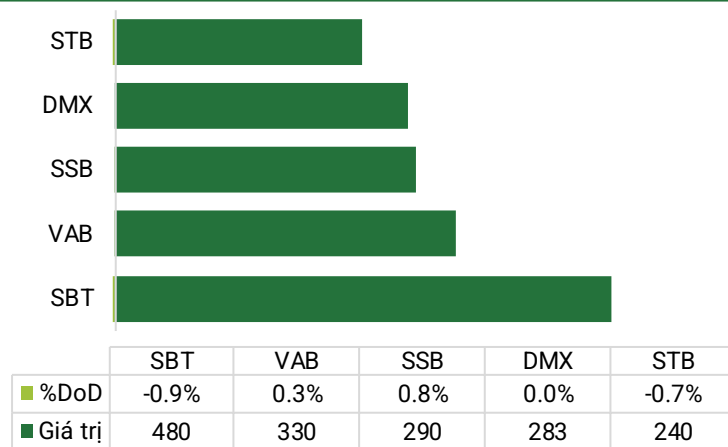
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

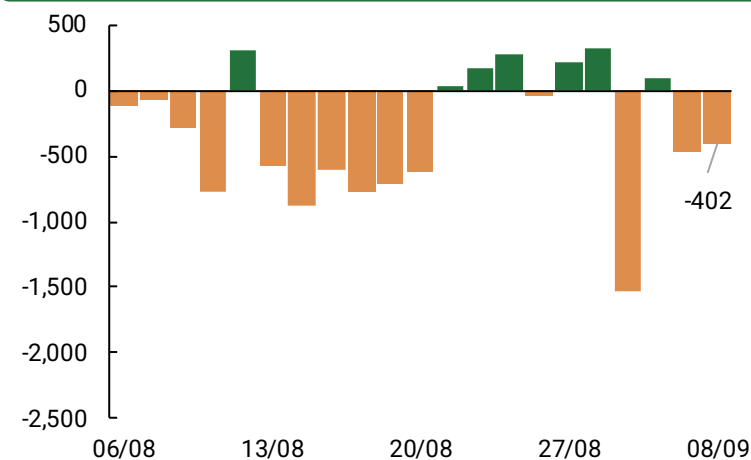


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

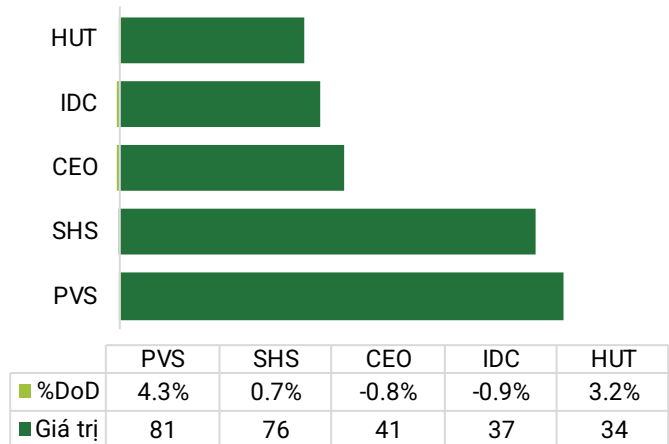


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

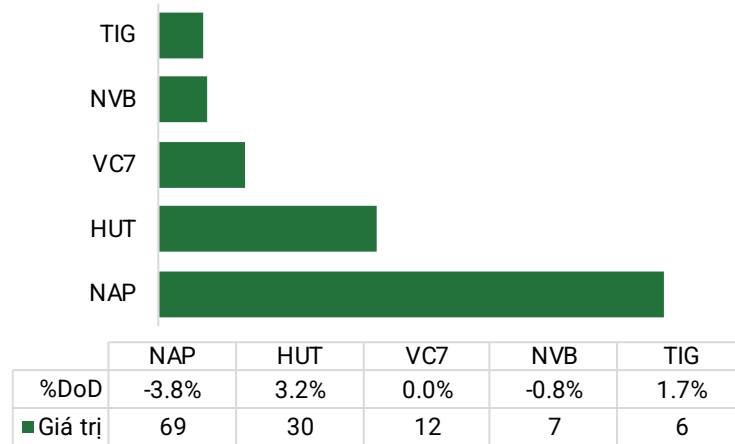
GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



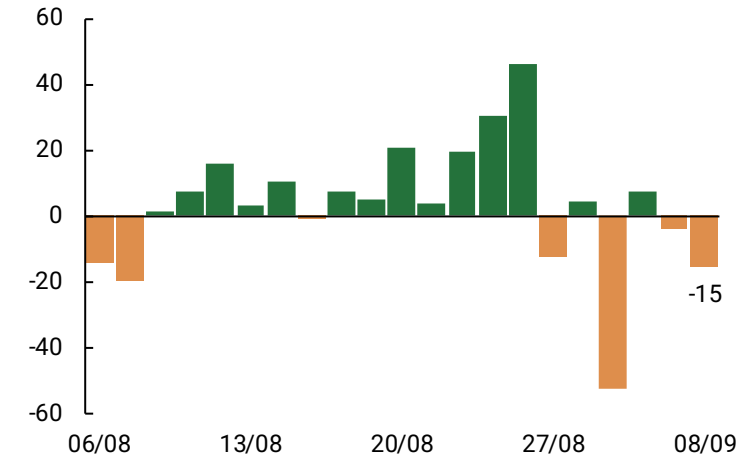
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến xanh thân nhỏ, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1700 | 1780.
- ✓ Kháng cự: 1860 - 1880.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Củng cố lại đà đi lên.

Kịch bản: Vận động trở lại giằng co trong biên độ hẹp. Động lực tăng gần đây dựa vào nhóm vốn hóa lớn, trong khi độ rộng và thanh khoản đều có dấu hiệu suy yếu. Với mẫu hình nến nhấn chìm trước đó, cung bán vẫn cho thấy sự chủ động trên vùng cao. Nếu các phiên tới chỉ số không phục hồi được trên ngưỡng 1840 điểm, xác suất đi vào nhịp điều chỉnh sẽ gia tăng, với khả năng kiểm định lại vùng 1780 – 1800 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến xanh thân nhỏ, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1840 | 1920
- ✓ Kháng cự: 2000.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Củng cố lại đà đi lên.
- ✓ **Kịch bản:** Vận động trở lại trong biên độ hẹp cho thấy dòng tiền thận trọng hơn. Nếu chỉ số không sớm lấy lại ngưỡng 1980 điểm, áp lực điều chỉnh có thể tiếp tục gia tăng và khả năng lùi về kiểm định vùng 1900 – 1920 điểm. Ở chiều tích cực, nếu vượt thành công ngưỡng 1980, mục tiêu cao hơn có thể hướng tới ngưỡng 2020 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio		
Ticker	PHR	BUY	Current price	62.00		P/E (x)	12.7	
			Action price	09/09	61.4 - 62		P/B (x)	1.9
Exchange	HOSE						EPS	4885.3
			Target price		68	10.2%	ROE	16.4%
Sector	Commodity Chemicals		Cut loss		58.5	-5.2%	Stock Rating	AA
						Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá thiết lập nền tốt quanh 61 - 62.
 - Chỉ báo MACD duy trì trên đường tín hiệu, trong khi RSI cũng giữ vận động trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng ổn định.
 - Thanh khoản phục hồi gần đây cho thấy dòng tiền cải thiện.
 - MA20 cắt lên MA50 giúp củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Xu hướng thoát khỏi pha điều chỉnh và có thể tiếp tục quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Mua, có thể tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	PHR	Mua	09/09/2026	62.00	61.4 - 62	-	68	10.2%	58.5	-5.2%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	VCB	Mua	07/08/2026	-	58.1	58.5 - 59	-1.1%	65	10.6%	55.5	-5.5%	
2	BSR	Mua	12/08/2026	-	27.0	25.8 - 26.2	3.8%	29	11.5%	24.5	-5.8%	
3	SAB	Mua	12/08/2026	-	45.0	45.4 - 45.8	-1.4%	50	9.6%	43.5	-4.6%	
4	DGW	Mua	13/08/2026	-	42.0	40.5 - 41.5	2.3%	45	9.8%	38.5	-6.1%	
5	VGC	Mua	24/08/2026	-	40.0	40 - 41	-1.2%	45	11.1%	38.5	-4.9%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1961, giảm 3.0 điểm (-0.2%). Trạng thái lưỡng lự chiếm ưu thế trong phần lớn thời gian giao dịch.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD đã cắt xuống đường signal, cùng RSI giảm về dưới ngưỡng trung bình, hàm ý áp lực điều chỉnh đang chiếm ưu thế. Dù vậy, vận động đang có xu hướng đi ngang kiểm định vùng 1960 – 1970 điểm. Việc vào lệnh nên chờ giá xác nhận thoát khỏi các biên sẽ tối ưu hơn. Theo đó, vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1958, vị thế Long cân nhắc khi giá bứt phá ngưỡng 1972.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1867.1, giảm 6.2 điểm (-0.3%). Độ lệch basis 6.4 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 18 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1860 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1880 điểm.

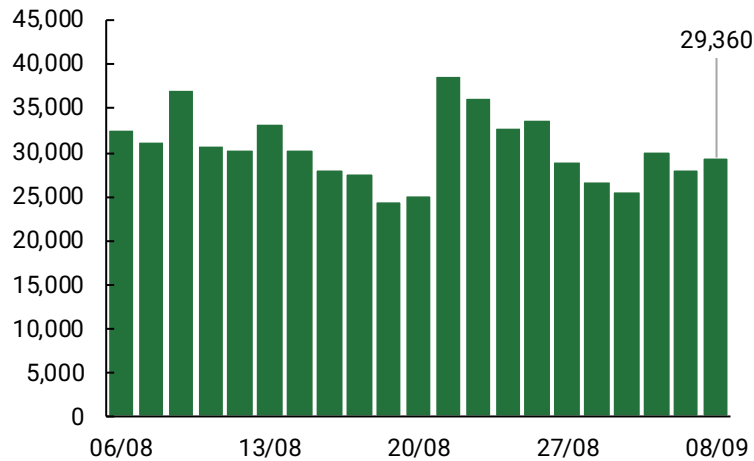
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	< 1958	1945	1965	13 : 7
Short	> 1972	1986	1965	14 : 7

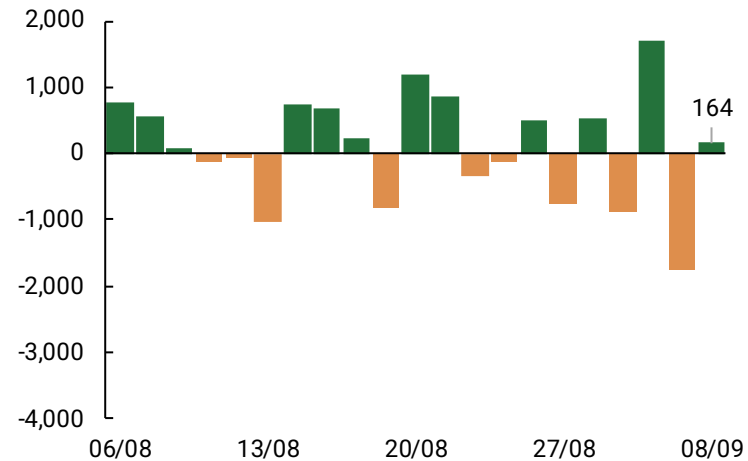
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
411H3000	1,958.0	-4.0	40	231	1,986.2	-28.2	18/03/2027	191
411GC000	1,959.5	-7.4	39	604	1,977.8	-18.3	17/12/2026	100
411GA000	1,960.0	-7.0	437	1,246	1,971.9	-11.9	15/10/2026	37
411G9000	1,961.0	-3.0	195,446	29,360	1,969.4	-8.4	17/09/2026	9
4112G9000	1,867.1	-6.2	18	31	1,874.3	-7.2	17/09/2026	9

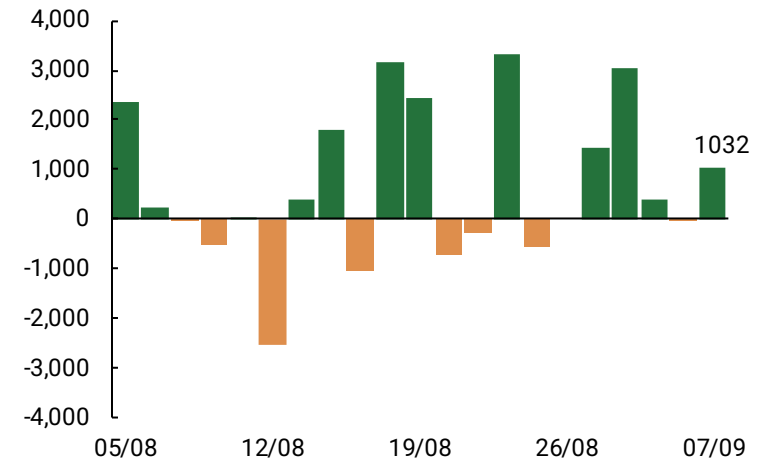
Khối lượng mở (Open interest)



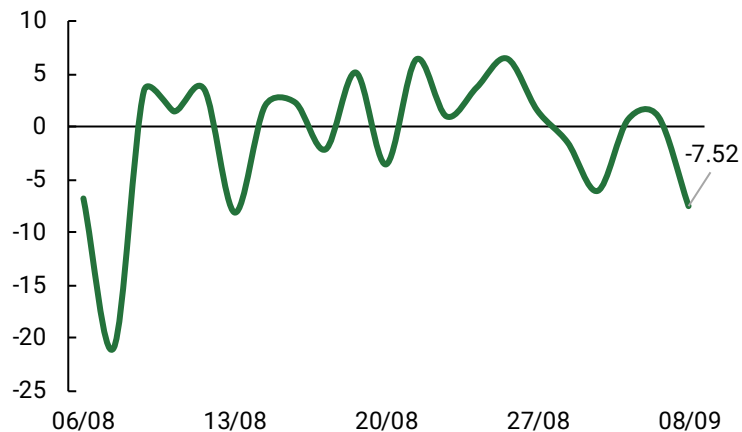
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



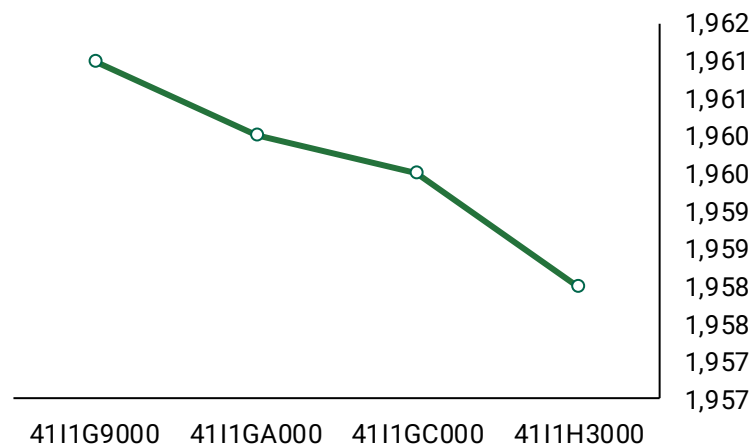
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



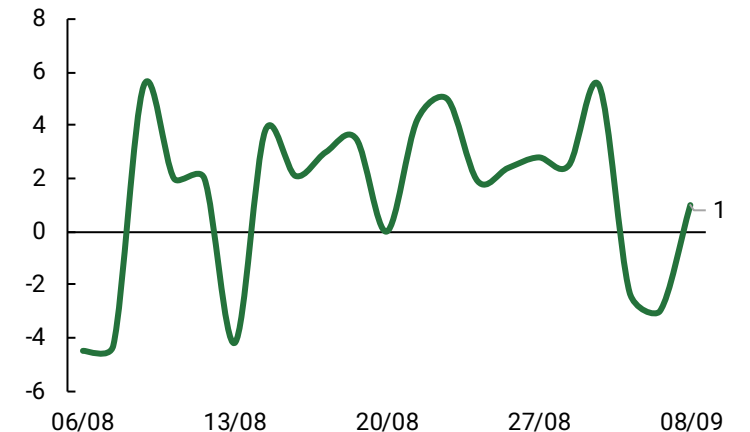
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



- 01/09 Mỹ, Việt Nam – Chỉ số PMI
Việt Nam – Danh mục MSCI có hiệu lực
- 03/09 Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 8/2026
- 04/09 Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 09/09 Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
- 10 – Mỹ – Chỉ số PPI, CPI
- 11/09 EU – ECB công bố lãi suất
- 12/09 Việt Nam – VNM ETF công bố danh mục
- 15/09 Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
- 17/09 Mỹ – Fed công bố lãi suất
Việt Nam – Đáo hạn HĐTL
- 21/09 Trung Quốc – Lãi suất LPR
Việt Nam – Chính thức nâng hạng FTSE Russell
- 24/09 Thượng đỉnh Mỹ - Trung
Thụy Sĩ – SNB công bố lãi suất
- 30/09 Mỹ – GDP Q2 lần 3, Chỉ số PCE

THÔNG TIN VĨ MÔ

Dự trữ ngoại hối Nhật Bản giảm kỷ lục trong tháng 8: Theo Bộ Tài chính Nhật Bản, dự trữ ngoại hối cuối tháng 8 giảm 79.6 tỷ USD, còn hơn 1,200 tỷ USD, tương đương mức giảm 6.2% so với tháng trước. Mức giảm này diễn ra sau khi Nhật Bản chi 15,400 tỷ yên, tương đương gần 100 tỷ USD, trong giai đoạn 30/07–26/08 để bán USD, mua yên nhằm hỗ trợ đồng nội tệ. Sau các đợt can thiệp, đồng yên phục hồi từ gần 164 JPY/USD lên khoảng 155–156 JPY/USD vào đầu tháng 9.

Mỹ tiếp tục gây sức ép với Iran, rủi ro Trung Đông chưa hạ nhiệt: Mỹ tiếp tục siết trừng phạt nhằm vào nguồn thu dầu mỏ của Iran, trong khi Tehran đối mặt áp lực tài chính lớn hơn nếu xuất khẩu dầu bị hạn chế. Cùng lúc, Washington cảnh báo có thể phá hủy năng lực phát triển hạt nhân của Iran nếu hai bên không đạt được thỏa thuận và Tehran có hành động cực đoan. Diễn biến này cho thấy rủi ro địa chính trị tại Trung Đông vẫn còn dai dẳng, đặc biệt với thị trường năng lượng và tuyến vận tải qua khu vực.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

HVN - Bị giữ nguyên diện cảnh báo do lỗ lũy kế hơn 23,000 tỷ đồng: HOSE giữ nguyên diện cảnh báo đối với cổ phiếu HVN do LNST chưa phân phối tại ngày 30/6/2026 còn âm 23,148.19 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm, lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Vietnam Airlines đạt 3,852 tỷ đồng, giảm 40.2% YoY, chủ yếu do chi phí tăng nhanh hơn doanh thu khi giá nhiên liệu bình quân tăng 55%.

HQC - HDBank thu giữ tài sản bảo đảm để thu hồi nợ: HDBank dự kiến thu giữ 26 thửa đất tại TP.HCM cùng quyền tài sản liên quan 67 căn nhà thuộc dự án tại Thạnh Mỹ Lợi để thu hồi nợ của Địa ốc Hoàng Quân. Tại cuối tháng 6/2026, HQC có hơn 3,000 tỷ đồng nợ phải trả, trong đó nợ vay tài chính hơn 1,127 tỷ đồng; riêng dư nợ tại HDBank là 895 tỷ đồng, gồm 609 tỷ đồng đã đến hạn.

CTD - Có diễn biến tích cực trong xử lý công nợ tồn đọng: Coteccons cho biết TAND TP.HCM không chấp nhận kháng cáo của đối tác tại dự án Kenton Node, qua đó giữ nguyên bản án sơ thẩm liên quan tranh chấp hợp đồng thi công. Trước đó, doanh nghiệp cũng đạt thỏa thuận tài chính để thu hồi khoản phải thu 526 tỷ đồng từ Ngôi Sao Việt, trong khi backlog cuối năm tài chính 2026 đạt khoảng 70,000 tỷ đồng.

KLB/STK/MHC - Bị HOSE bổ sung vào danh sách không đủ điều kiện margin: HOSE bổ sung KLB, MHC và STK vào danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ từ ngày 4/9/2026. KLB bị cắt margin do BCTC soát xét bán niên có kết luận không phải ý kiến chấp nhận toàn phần, trong khi MHC và STK bị đưa vào danh sách do LNST cổ đông công ty mẹ trên BCTC soát xét là số âm.

SBM - Sắp chi 45 tỷ đồng tạm ứng cổ tức đợt 2: Đầu tư Phát triển Bắc Minh chốt quyền tạm ứng cổ tức đợt 2/2026 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%, tương ứng 1,000 đồng/cp. Với hơn 45 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp dự kiến chi hơn 45 tỷ đồng; lũy kế 6 tháng, SBM ghi nhận doanh thu gần 116 tỷ đồng và LNST 53 tỷ đồng, tăng lần lượt 7.3% và 2.4% YoY.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	27,000	31,150	15.4%	Tăng tỷ trọng
CTG	30,750	40,700	32.4%	Mua
CTD	61,100	82,900	35.7%	Mua
DBD	47,000	66,000	40.4%	Mua
DDV	17,968	35,900	99.8%	Mua
DGW	41,950	47,500	13.2%	Tăng tỷ trọng
DPG	28,600	42,300	47.9%	Mua
DPR	37,450	46,500	24.2%	Mua
DRI	14,536	17,200	18.3%	Tăng tỷ trọng
EVF	12,050	14,400	19.5%	Tăng tỷ trọng
FRT	139,500	151,000	8.2%	Nắm giữ
GMD	75,000	88,900	18.5%	Tăng tỷ trọng
HAH	46,050	58,300	26.6%	Mua
HDG	16,650	30,900	85.6%	Mua
HHV	9,920	11,700	17.9%	Tăng tỷ trọng
HPG	21,850	34,200	56.5%	Mua
IMP	38,150	54,400	42.6%	Mua
KDH	17,200	38,800	125.6%	Mua
MCH	142,600	148,500	4.1%	Nắm giữ
MWG	72,300	115,600	59.9%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	20,150	27,500	36.5%	Mua
NLG	25,000	39,400	57.6%	Mua
NT2	20,450	27,700	35.5%	Mua
PHR	62,000	72,800	17.4%	Tăng tỷ trọng
PNJ	38,400	75,500	96.6%	Mua
PVS	38,900	39,900	2.6%	Nắm giữ
PVT	21,300	26,000	22.1%	Mua
POW	12,750	17,500	37.3%	Mua
SAB	44,950	54,900	22.1%	Mua
SSI	21,000	31,200	48.6%	Mua
TLG	50,900	50,000	-1.8%	Giảm tỷ trọng
TCB	31,950	41,700	30.5%	Mua
TCM	16,850	35,300	109.5%	Mua
TRC	85,800	91,800	7.0%	Nắm giữ
VCB	58,100	79,700	37.2%	Mua
VPB	27,400	36,500	33.2%	Mua
VCG	15,550	23,300	49.8%	Mua
VHC	52,200	58,000	11.1%	Tăng tỷ trọng
VNM	61,000	66,650	9.3%	Nắm giữ

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

www.phs.vn

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415